

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số:

Chúng tôi gồm:

- **Bên Cho Vay: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch**

.....

- Mã số doanh nghiệp:do Sở KH&ĐTcấp lần đầu ngày
...../...../....., đăng ký bổ sung lầnvào ngày/...../.....

- Địa chỉ trụ sở:

- Điện thoại:.....- Fax:

- Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà:- Chức vụ:.....

*Sau đây gọi là **Bên Ngân hàng/VPBank***

- **Bên Vay: Ông/Bà**

- Hộ khẩu thường trú:

- Địa chỉ hiện tại:.....

- Giấy CMND/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu: Số docấp ngày
...../...../.....

- Điện thoại nhà riêng:- Điện thoại di động:

- Email:

*Sau đây gọi là **Bên vay***

*Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay (gọi chung là "**Hợp Đồng**") này với các nội dung như sau:*

Điều 1. Thỏa Thuận Về Cho Vay

1. Số tiền cho vay: (Bằng chữ:.....).
2. Thời hạn cho vay:.....(Bằng chữ:), tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.
3. Mục đích sử dụng vốn vay:.....
4. Điều kiện và phương thức giải ngân:
 - a) Điều kiện giải ngân: Thực hiện theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung (như được quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này).
 - b) Bên Ngân hàng giải ngân cho Bên vay theo phương thức:
 Bằng tiền mặt Chuyển khoản vào tài khoản của Bên vay
 Chuyển khoản vào tài khoản của Bên thụ hưởng
 - c) Thủ tục nhận giải ngân và nhận nợ: Khi Bên Ngân hàng thực hiện giải ngân cho Bên vay theo phương thức như quy định tại Điểm b, Khoản 4 nêu trên, Bên vay bằng việc ký kết Hợp Đồng này xác nhận nhận nợ đối với toàn bộ số tiền cho vay theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 này từ Bên Ngân hàng. Bên vay nhận nợ kể từ thời điểm số tiền cho vay được Bên Ngân hàng giải ngân. Bên vay đồng ý rằng, các chứng từ ghi nhận việc Bên Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay là bằng chứng xác nhận việc Bên vay đã nhận nợ theo Hợp Đồng này. Tùy từng trường hợp cụ thể, chứng từ ghi nhận việc giải ngân có thể là một trong các chứng từ sau: Giấy nhận tiền mặt hoặc Giấy lĩnh tiền mặt hoặc chứng từ tương đương khác (áp dụng trong trường hợp giải ngân bằng tiền mặt), chứng từ chuyển khoản của Bên Ngân hàng (áp dụng trong trường hợp giải ngân chuyển

khoản).

5. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.
6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho Bên Ngân hàng theo lịch biểu sau đây:
 - a) Các Kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ tháng/lần vào ngày (sau đây gọi là “Kỳ trả nợ gốc”), Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày/...../..... Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là..... (bằng chữ:), riêng kỳ cuối cùng trả(bằng chữ:).
 - b) Các Kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ tháng/lần, vào ngày (sau đây gọi là “Kỳ trả nợ lãi”). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày/...../.....
7. Lãi suất cho vay, phí:
 - a) Lãi suất cho vay (trong hạn): Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân:%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).
 - b) Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được
 - c) Trường hợp Các Bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn, Các Bên thống nhất rằng khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định tại Hợp Đồng này và (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có), Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các nội dung đã thỏa thuận và sẽ thông báo cho Bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp thuận mức lãi suất mới (sau đây trong Hợp Đồng này và (các) Phụ lục Hợp Đồng được gọi chung là “**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**”) kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh.
 - d) Phương pháp tính lãi: Tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Bên vay phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng $(=) \sum$ (Số dư thực tế nhân (x) Số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) Lãi suất tính lãi) chia (/) 365. Các yếu tố dùng để tính lãi trong công thức này và các vấn đề khác liên quan đến phương pháp tính lãi thực hiện theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
 - e) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
 - f) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
 - g) Phí liên quan đến khoản vay: Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí sau đây:
 - (i) Phí trả nợ trước hạn với mức phí là:
 - (ii) Các khoản phí khác: Thực hiện theo thỏa thuận cụ thể giữa Bên Ngân hàng và Bên vay phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
8. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Các Bên thống nhất rằng Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dùng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
 - a) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối

với Bên Ngân hàng (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng và Bên vay tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung và các văn bản thỏa thuận liên quan;

b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.

9. Các Bên đồng ý rằng, các thỏa thuận khác liên quan tới khoản vay của Bên vay không được quy định trong Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn thỏa thuận về điều kiện giải ngân, nợ quá hạn và chậm thanh toán tiền lãi, chấm dứt cho vay thu hồi nợ trước hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, quyền và nghĩa vụ của Các Bên,... được thực hiện theo Điều Khoản Giao Dịch Chung, các văn bản thỏa thuận khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay và quy định của pháp luật.
10. Bên vay đồng ý rằng Bên Ngân hàng có quyền tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại Bên Ngân hàng, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyển cho Bên Ngân hàng để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng này, (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) và Điều Khoản Giao Dịch Chung hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Bên Ngân hàng và Bên vay (bao gồm cả trường hợp Bên vay đề nghị trả nợ trước hạn).
11. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, Các Bên cùng bàn bạc, thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng như sau: Bên vay đồng ý cho Bên Ngân hàng cung cấp thông tin tín dụng của Bên vay tại Bên Ngân hàng cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng (“**Công ty thông tin tín dụng**”) mà Bên Ngân hàng là tổ chức tham gia. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, Bên Ngân hàng đã thông báo với Bên vay thông tin về Công ty thông tin tín dụng và các vấn đề khác liên quan đến việc cung cấp, xử lý, sử dụng thông tin tín dụng của Bên vay tại Bên Ngân hàng, chi tiết được quy định chi tiết tại Điều Khoản Giao Dịch Chung
12. Các thỏa thuận khác:

Điều 2. Thỏa Thuận Về Tài Sản Bảo Đảm

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp Đồng này, Các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:
 - a) Thế chấp bằng
 - b) Cầm cố bằng
 - c) Bảo lãnh của
 - d) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).
2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Các Bên liên quan: (i) Hợp đồng bảo đảm (thế chấp/cầm cố/bảo lãnh) số ký ngày/...../.....; (ii) các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp Đồng này; và (iii) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên.
3. Các Bên đồng ý rằng, trường hợp có sự thay đổi về tài sản bảo đảm, bao gồm việc bổ sung, rút bớt, thay thế tài sản bảo đảm, Các Bên có thể lựa chọn ký kết hoặc không ký kết Phụ lục Hợp đồng hoặc bất kỳ văn bản thỏa thuận nào để ghi nhận các thay đổi của Hợp Đồng này.

Điều 3. Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung

Bằng việc ký vào Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng:

1. Điều Kiện Giao Dịch Chung: Tại Hợp Đồng này, Điều Kiện Giao Dịch Chung được hiểu là bản Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank, được VPBank niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Điều Kiện Giao Dịch Chung là những điều khoản ổn định do VPBank công bố từng thời kỳ để áp dụng chung cho các Khách hàng cá nhân vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức có tài sản bảo đảm tại VPBank. Nếu Bên vay chấp nhận ký kết Hợp Đồng thì được coi là đồng thời chấp nhận các điều khoản tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
2. Đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và chấp nhận, cam kết tuân thủ các điều khoản của Điều Kiện Giao Dịch Chung được VPBank niêm yết trên website <http://www.vpbank.com.vn>, tại quầy giao dịch và trên các phương tiện khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
3. Hợp đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung bảo đảm được sự bình đẳng giữa Bên vay và Bên Ngân hàng trong giao dịch này, theo đó Bên vay đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại Điều Kiện Giao Dịch Chung, bao gồm cả các điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất kỳ bên nào.
4. Điều Kiện Giao Dịch Chung là một Phụ lục gắn liền, không tách rời của Hợp Đồng này và cùng với Hợp Đồng này, (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) tạo thành một Thỏa thuận cho vay, có giá trị ràng buộc giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.
5. Bên Ngân hàng có thể sửa đổi, điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Điều Kiện Giao Dịch Chung trên cơ sở bảo đảm việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay các nội dung sửa đổi, điều chỉnh này bằng một trong các phương thức phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung.

Điều 4. Điều Khoản Thi Hành

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được Bên sau cùng ký vào Hợp Đồng cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.
2. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được Bên Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định; thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung, ...
3. Hợp Đồng này được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ bản, Bên Ngân hàng giữ bản.
4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

Ngày ... tháng ... năm ...

BÊN VAY

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU

1. **Trường hợp áp dụng:** Mẫu biểu này được sử dụng cho trường hợp VPBank cho vay từng lần đối với KHCVN vay vốn có tài sản bảo đảm và khoản vay giải ngân một lần. Đối với các sản phẩm hoặc các khoản vay VPBank có ban hành mẫu biểu Hợp đồng cho vay riêng, Đơn vị sử dụng mẫu biểu riêng tương ứng để soạn thảo.
2. **Nội dung Hợp đồng:**
 - a) Phần Các Bên trong Hợp đồng: Đơn vị hoàn thiện các thông tin về Bên Cho Vay, Bên Vay vào các phần để trống tương ứng tại phần đầu Hợp đồng.

Lưu ý: Trường hợp VPBank có quy định nội bộ về việc cho phép Bên vay được ủy quyền cho người khác ký Hợp đồng và Bên vay không tự ký Hợp đồng thì phải yêu cầu Bên vay cung cấp Văn bản ủy quyền hợp lệ cho người khác ký Hợp đồng.
 - b) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 1: Đơn vị hoàn thiện thông tin khoản vay theo đúng Nghị quyết phê duyệt.
 - c) Khoản 4, Điều 1: Về Phương thức giải ngân, Đơn vị tích chọn vào phương thức giải ngân phù hợp với hồ sơ Bên vay.
 - d) Khoản 7, Điều 1:
 - Đơn vị căn cứ vào quy định về lãi suất cho vay do Tổng Giám đốc ban hành từng thời kỳ và/hoặc phê duyệt của cấp có thẩm quyền để thiết lập điều khoản về lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất. Cách thức soạn thảo Khoản 7, Điều 1 Đơn vị tham khảo tại phần Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu của mẫu Khế ước nhận nợ.
 - Tại Điểm b, Khoản 7: Trường hợp VPBank có điều chỉnh lãi suất cho vay đối với khoản vay theo Hợp đồng, Đơn vị soạn thảo bổ sung nội dung về điều chỉnh lãi suất theo hướng dẫn, quy định của VPBank từng thời kỳ. Với nội dung liên quan đến lãi suất điều chỉnh không được quy định trong Hợp đồng thì sẽ được quy định trong các Phụ lục Hợp Đồng.
 - e) Khoản 12, Điều 1: Trường hợp Nghị quyết phê duyệt có phê duyệt các điều khoản khác cần bổ sung vào Hợp đồng và/hoặc các trường hợp khác mà theo quy định cần bổ sung thêm các nội dung khác vào Hợp đồng thì Đơn vị quy định các nội dung này tại Khoản 12, Điều 1 của Hợp đồng. Trường hợp không có nội dung cần bổ sung, Đơn vị bỏ Khoản này đi trước khi ký kết với Khách hàng.
 - f) Điều 2:

Đơn vị ghi nhận đầy đủ thông tin về Tài sản bảo đảm cho khoản vay, Hợp đồng bảo đảm đã ký vào các nội dung để trống tương ứng trong Điều này.

Lưu ý: Trường hợp có sự thay đổi về TSBĐ bao gồm việc bổ sung, rút bớt, thay thế TSBĐ, các Đơn vị không cần phải lập Phụ lục Hợp đồng cho vay hoặc bất kỳ tài liệu nào để ghi nhận các thay đổi này, trừ trường hợp Khách hàng (Bên vay/Bên bảo đảm) yêu cầu.
 - g) Khoản 3, Điều 4: Trường hợp Hợp đồng này được công chứng, Đơn vị lưu ý ghi nhận số lượng bản Hợp đồng và chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp theo hướng ngoài số bản giao cho Bên vay và VPBank, 01 bản sẽ được giao cho Văn phòng Công chứng.
3. **Hướng dẫn khác:**

Trước khi in Hợp đồng để ký kết với Bên vay, phải kiểm tra lại thật kỹ nội dung của Hợp đồng, làm theo đúng chỉ dẫn tại các foot-note (nếu có) và phần Hướng dẫn, sau đó xóa hết các foot-note (nếu có), xóa phần ký hiệu mẫu biểu và phần Hướng dẫn.